

A stylized, high-contrast illustration of a prison. In the background, a grey building with dark windows is visible. In the foreground, a complex network of black barbed wire is strung across the scene. To the right, a black guard tower with a small figure on top stands against a white sky. The ground is depicted with large, abstract patches of green, brown, and white. The overall style is graphic and somber.

**NGUYỄN
THỤY LONG**

ĐỒNG GẠCH

ĐỒNG GẠCH

Nguyễn Thụy Long

TIẾNG NÓI
xuất bản 1964
MCMLXV

đồng gạch

Nguyễn Thụy Long

Bìa: Âm vang - Thanh Châu

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

đồng gạch

NGUYỄN THỤY LONG

CHIẾC XE NHÀ BINH LÙI ĐÍT
VÀO SÁT hàng rào dây thép gai. Thùng xe sau nâng cao, dốc ngược. Những phiến gạch cũ từ thùng xe đổ xuống rào rào, bụi hồng bốc lên mù mịt. Người tài xế điều khiển cho thùng xe hạ xuống, đoạn lái xe ra đường, phóng thẳng về phía cổng đồn.

Buổi sáng cuối đông, sương mù còn phủ mờ trên bầu trời trắng đục. Tiếng kèn chào cờ từ phía đồn vọng lại. Lá cờ tam tài từ từ kéo lên, phất phới trên nóc lô cốt. Bụi gạch lúc này đã dịu xuống và sương mù cũng tan dần. Tôi vén tay áo

lên xem đồng hồ, tám giờ kém mười, đi dạy học là vừa. Tôi gọi nhà hàng trả tiền bữa ăn sáng rồi cấp cấp đứng dậy ra ngoài. Tôi quấn thêm một vòng khăn len quanh cổ, kéo cái phéc-mơ-tuya ở áo bờ-lu-dông cho gió lạnh khỏi lùa vào người. Tôi mới đổi về đây dạy học được ngót tuần lễ nay. Một tỉnh lỵ nhỏ thuộc quyền kiểm soát của quân đội viễn chinh Pháp, nhưng nổi tiếng có nhiều Việt Minh. Không đêm nào tôi không nghe tiếng đại liên nổ giòn phía đồn. Thỉnh thoảng có nhà trong làng bị đạn lạc bốc cháy. Buổi sáng hôm sau tôi nghe tiếng khóc của đàn bà trẻ con có thân nhân bị chết. Cảnh đó diễn ra rất thường nên chỉ trong vòng một tuần lễ tôi quen dần. Giá như những lúc khác tôi đã nhớ Hà Nội và khao khát về đó. Tôi muốn đi cho khuất mắt, bất cứ đi đâu, miễn là không phải nhìn lại Hà Nội lần thứ hai.

Tôi nhờ một người bạn xin giấy tờ cho tôi vào Nam. Sài Gòn có lẽ đối với tôi dễ chịu hơn. Tôi chưa thấy Sài Gòn bao giờ, nhưng tôi nghe nói đẹp lắm. Tôi chán ngấy Hà Nội, Hà Nội gắn liền với hình ảnh người yêu tôi, nàng đã thuộc về người khác, nên tôi nhất quyết xa lánh hẳn. Trong khi chờ đợi tôi xuống tạm đây dạy học qua ngày.

Những ngọn gió lạnh buốt từ miền Thượng Lào thổi sang làm mùa đông năm nay lạnh hơn bao giờ hết. Suốt ngày trời u ám, ngoài giờ dạy học tôi còn la cà trong những quán rượu nhậu nhẹt lai rai. Những cô gái bán quán ở đây xấu một cách kinh tởm và phần đông lấy tây đen gạch mặt.

Cũng phần sắp lựa là, cũng hách dịch với đồng bào, nhưng tôi thấy có một vẻ gì kịch cỡm đến độ tôi muốn nhổ nước

bọt vào mặt cho bõ ghét. Có thể tôi quá khích và quá khó tính với tình trạng hiện tại của xứ sở. Chiến tranh dai dẳng, chán ngấy, tôi không theo phe nào, đứng ngoài nhìn vào như một kẻ bàng quan. Tôi dửng dưng và cố tránh sao cho mình khỏi bị lôi kéo vào cuộc chiến phi lý giữa hai khối Thực Dân và Cộng Sản. Tôi chại lý trước những lời tuyên truyền tự do no ấm cũng như sự đe dọa thường xuyên của người Pháp. Chết lúc này thật vô lý, tôi phải bảo vệ từ ngón chân đến ngón tay, dây kềm gai không thể làm xước da tôi. Nghĩa là tôi ích kỷ, tôi sống cho mình hoàn toàn.

Thất tình, đau khổ, tôi bỏ Hà Nội đi biệt tăm. Xuống đây tôi bị chiến tranh vây quanh. Có thể một ngày nào đó chính tôi lại là nạn nhân không chừng? Mạng người như con ngóe, nếu phải

chết như vậy thì vô lý quá. Tôi chẳng là cái quái gì hết, nhưng cần sống, sống qua cuộc chiến này. Cái nhìn của tôi chạm vào đồng gạch bên đường, đồng gạch đỏ cao ngất. Nhưng chỉ qua một đêm, sáng hôm sau tôi thấy hết nhẵn. Chiếc xe nhà binh lại đến đổ đồng gạch khác. Tôi thắc mắc về đồng gạch đó, không lẽ lính viễn chinh ăn gạch thay bánh mì. Ý tưởng dí dỏm đó làm tôi mỉm cười một mình.

Tôi đến lớp học hơi muộn, tôi nhìn xuống đám học trò lác đác vài ngoe. Chúng lăm lét nhìn tôi, cái nhìn vừa có vẻ ngu độn vừa sợ sệt. Tôi lật sổ điểm gọi một đứa lên đọc bài. Nó lễ phép trình cuốn vở bản lem nhem, đứng khoanh tay, mắt lăm lét nhìn xuống những ngón chân bết bùn khô cứng. Tôi không buồn giở vở ra xem, nói cộc lốc:

– Đọc bài!

Tên học trò tăng hăng, ê a chán mới rặn ra được một câu: “Nước Việt Nam ... a... nước Việt Nam a... a...” Nó nhắc đi nhắc lại mãi điệp khúc đó như một chiếc đĩa hát mòn, tôi gắt:

– Nước Việt Nam làm sao?

Tên học trò bắn lên, rồi không biết vì sao nó bật ra:

– Nước Việt Nam hình cong như chữ ‘ét sì’ và chia ra làm ba miền: Bắc Việt, Trung Việt, và Nam Việt. Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía đông giáp biển Nam Hải, phía nam giáp mũi Cà Mau, phía tây a... đ... giáp nước... Tây.

Tôi đập tay đến thình xuống bàn:

– Láo! Thuộc bài không?

Tên học trò mặt tái mét, mồ hôi toát ra trên trán, nó cuống lên:

– Nước Việt Nam sống bằng nghề làm ruộng và có bốn ngàn năm văn hiến...

Lần này tôi nổi sùng thật sự, tối vục cho cu cậu ba cái thước kẻ:

– Cút, zê-rô!

Lũ học trò ngồi dưới cười ồ, tên đọc bài sợ bị phạt năn nỉ:

– Thầy cho con đọc lại.

– Không hôm nào tao thấy mày thuộc bài hết, tại sao vậy?

Tên học trò vẫn sợ sệt tìm cách chống chế:

– Dạ đêm qua Việt Minh vào làng thu thóc nên con không học được, tảng sáng vừa giở sách ra thì tây đến bố, con sợ quá trốn xuống hầm.

Tôi nhún vai gấp quyển sổ điểm:

– Thế thì học hành cái quái gì nữa.

Tôi nhìn xuống đám học trò ngồi co ro:

– Tụi bay nên về cày ruộng còn có ích hơn, hay đi lính cho Tây hoặc theo Việt Minh mà ôm bom ba càng.

Lũ học trò tưởng tôi giận nên ngồi im thin thít. Tôi thấy mình không được phép bỏ rơi nhiệm vụ nên hỏi lại một lần nữa cho yên lòng:

– Đứa nào thuộc bài?

Không một bàn tay nào giơ lên. Tôi lật cuốn Việt sử tìm bài cho học trò chép. Tôi cầm cuốn sách đi xuống hàng ghế học trò:

– Hôm nay thầy dạy các em bài Trịnh Nguyễn phân tranh. Đó là thời kỳ đen tối nhất của lịch sử nước tại nội chiến kéo dài cả trăm năm. Các vua chúa ta thời bấy giờ vì tham quyền cố vị, vì quyền lợi riêng tư cho nên dân lành khổ sở. Ngoài Bắc có chúa Trịnh, trong Nam có chúa Nguyễn. Cả hai xưng hùng xưng bá mỗi người một phương. Gian thần thì lộng hành trong triều, quan tham ô lại những nhiều nhân dân ngoài phủ huyện. Ngoài Bắc có loạn Tam Phủ, trong Nam Trương Phúc Loan chuyên quyền làm nhiều điều tàn bạo khiến dân tình đồ thán...

Tôi đang nói thao thao, bỗng nghe một tiếng nói nhỏ ở bàn học trò:

– Tụi mình sắp học đến vua Quang Trung rồi.

Tôi ngừng lời quay lại:

– Dân tình khổ sở thì thế nào cũng có minh quân ra đời. Nhưng danh tướng có mấy ai được sống dai dẫu. Số mạng nước mình thế đó. Một tiểu nhược quốc có vùng vẫy cho lắm cũng đến cam chịu số phận hẩm hiu.

Chúng ta suốt bốn ngàn năm lập quốc đã viết sử toàn bằng máu, nhưng chúng ta đã hưởng được những gì? Mọi sự bất hạnh đều trút lên đầu lên cổ dân tộc nhỏ bé này. Nhưng nói thế, tôi không muốn các em nhiễm tư tưởng chán đời, phó mặc. Chúng ta đi tìm, chờ đợi thời cơ. Theo lẽ tuần hoàn của trời đất thì hết suy phải đến thịnh. Dù là cái thịnh đó ngắn ngủi, nhưng chính nó là nguồn sống cho dân tộc này phải vươn lên và trở nên bất diệt...

Tôi đi đi lại lại quanh lớp học, tôi ngẩng nhìn lên mái ngói xiêu vẹo, nhìn

xuống đám học trò lem luốc, tôi thấy lòng mình ngậm ngùi. Giọng tôi thấp xuống:

– Tôi chán cái chiến tranh này, tôi thú thật với các em điều đó. Nhưng không phải tôi không yêu nước, tôi chỉ không muốn đổ máu một cách vô lý cho Việt Minh cũng như cho Thực Dân. Với thứ chiến tranh phi chính nghĩa đó tôi có quyền đứng ngoài mà không xấu hổ chút nào. Tôi có quyền nói với các em điều đó, vì tôi đã từng vác súng bỏ nhà bỏ cửa theo Việt Minh. Chúng lừa bịp mình bằng những danh từ, người Pháp cũng không hơn gì... Tôi quay nhìn ra ngoài trời u ám. Lớp học im phăng phắc, đến nỗi tôi nghe rõ cả tiếng lá rụng ngoài sân trường. Phía trước cửa lớp có một cây bàng trụi lá giờ những cành khô cong queo in lên nền trời trắng đục. Một nóc

tháp chuông nhà thờ vươn cao, phía sau là lô cốt, ngọn cờ Tam Tài phất phới bay. Tôi nghe xa xa có tiếng đại bác nổ ì ầm.

Tiếng chuông nhà thờ thường rung lên bất thường trong đêm sau hồi súng liên thanh nổ phía cầu. Tôi hoang mang vì những hồi chuông đó không kém gì hoang mang về chuyện đồng gạch vơi lại đây.

Tôi quay nhìn vào lớp học, giở sách nói:

– Thôi các em chép bài đi!

* * *

TÔI giờ tắm điện tín của Uyên ra xem lại:

Về Hải Phòng ngay stop giấy tờ đã xong stop đã lấy vé tàu.

Việc làm trước tiên của tôi là thu dọn hành lý, chẳng có gì ngoài một vali quần áo và ít sách vở. Xong xuôi tôi tới thanh toán tiền nong với bà chủ nhà trọ. Tôi phải tới trường học nói chuyện với ông hiệu trưởng tìm người khác thay tôi và nhân thể lấy nốt số tiền còn lại. Tuy chẳng đáng bao nhiêu, nhưng cũng giúp tôi thanh toán nổi tiền xe, tiền ăn đường từ đây về tới Hải Phòng. Ông hiệu trưởng tiếp tôi ở phòng khách. Hương trà sồi thơm dịu làm người tôi tỉnh táo. Buổi sáng cuối đông trời lạnh lạ lùng. Ông hiệu trưởng ngồi thu tay trong bọc.

Trông dáng dấp nhỏ bé của ông, tôi bỗng thấy thương hại. Ông nhìn tôi hấp háy sau cặp kính trắng:

– Vậy thầy nhất định đi sáng nay đây phỏng?

Tôi đặt ly trà xuống bàn:

– Dạ phải!

Ông kéo chiếc điều bát đến gần hít một hơi thuốc Lào, nhả khói mù mịt:

– Đường từ đây về Hải Phòng cũng nguy hiểm lắm đấy, tụi Vẹm giật mìn luôn xoành xoạch, hôm rồi một đoàn công-voa [le convoi: đoàn xe.] của Tây bị nó phục kích chết ráo? Chỉ khổ cái thằng dân cứ đưa lưng ra mà chịu. Cha bố cái chiến tranh chỉ làm hại, làm ăn gì thời buổi này cũng khó. May bà nhà này còn

đi buôn đi bán, chứ không cứ gọi là chết đói!

Tôi ngồi nói chuyện với ông hiệu trưởng khá lâu để chờ bà vợ ông về mới có tiền. Khi tiền tôi ra cửa, ông nắm chặt tay tôi:

– Thầy đi chắc chẳng bao giờ còn trở lại chốn quê mùa này. Vào Nam thầy làm ăn khấm khá thì viết thư cho tôi, tôi cũng vào. Xưa kia các cụ mình cứ cho bỏ xứ đi là một điều nhục nhã, nhưng ngày nay khác phải không thầy?

Tôi nhìn ra mấy lớp học, lũ trò nhỏ thập thò ở cửa lớp nhìn tôi. Nhìn chúng, tôi thấy lòng mình se lại, chẳng gì tôi đã để lại đây ít nhiều kỷ niệm. Tôi giờ tay lên vẫy chúng:

– Thầy đi các em nhé!

Chúng nhao nhao chào tôi và chúc tôi lên đường bình an. Tâm hồn chúng mộc mạc đến ngu dốt. Dậy chúng học nhiều khi tôi tức uất người, nhưng nghĩ lại tôi thấy thương chúng nhiều hơn là giận. Tôi nói với ông hiệu trưởng:

– Chưa biết bao giờ tôi mới trở lại được đây, có lẽ phải hết chiến tranh.

Ông hiệu trưởng dường như còn quyến luyến nên tiễn tôi ra tận cổng trường:

– Chúc thầy đi bình an, hai giờ chiều có chuyến xe lên Phòng đấy, thầy liệu thu xếp thì giờ kéo trễ. Tiếc là hôm nay thầy đi gấp quá không kịp mời thầy một bữa cơm xoàng.

Tôi buông tay ông hiệu trưởng:

– Thôi cụ vào đi, cụ đối với tôi như vậy là quý hóa lắm rồi.

Tôi men theo cánh đồng, qua cầu rồi tới tỉnh lỵ. Con sông ở đây rộng, uốn khúc vòng vèo tới một miền xa thẳm nào đó. Suốt ngày trên cầu có lính gác, hai bên bờ sông rào kẽm gai, dân chúng vùng này không được phép lai vãng gần bờ. Không một con thuyền nào qua lại ngoài mấy chiếc tàu tuần tiểu của quân đội viễn chinh. Cầu nguyên trước đây xây bằng xi măng, nhưng hồi mới kháng chiến bị V.M. phá sập. Bây giờ công binh làm lại bằng sắt và những tấm ván ghép. Điều đặc biệt nhất cầu chỉ có một bên tay vịn. Nhiều hôm đi qua cầu, tôi nhìn xuống giòng nước cuộn cuộn mà thấy rợn người.

Tôi tới tỉnh đó vào khoảng mười hai giờ trưa, trời bớt lạnh, tôi cảm thấy đói

nên rẽ vào quán cơm. Tôi ngồi xuống bàn, vô tình lại nhìn ra đồng gạch cao nghệu. Tôi thắc mắc mãi về đồng gạch đó cả tháng trời nay. Hay là quân đội xây thêm một cái lô cốt nào đó! Tôi tò mò hỏi một vài người ở đây lâu năm, họ trả lời không biết. Và khuyên tôi đừng tò mò, không nghe và không thấy là tốt hơn cả.

Hai giờ trưa, hành lý tôi sẵn sàng. Chiếc xe hàng ngừng lại. Tôi lên xe, tỉnh lý lùi lại phía sau, đồng gạch khuất bên một khúc rẽ. Giã từ! tôi nói thầm trong miệng. Bây giờ thì hết thắc mắc, tôi nao nức nghĩ đến Hải Phòng, đến chuyến tàu vào Nam. Tôi tưởng tượng đến thành phố Sài Gòn với những đường phố thật đẹp và cuộc sống xa hoa ở đó. Cửa kính xe đóng kín, nhưng tôi vẫn run vì lạnh. Hành khách ngồi trong xe phần nhiều là

đàn bà nhà quê, họ có vẻ yên phận chịu đựng. Có những xe nhà binh chở đầy lính chạy ngược lại phía chúng tôi. Người tài xế phải lái xe dạt vào bên đường. Anh ta luôn miệng cầu nhàu vì đường xấu. Trời về chiều, chiếc xe cố mở hết ga để kịp đến nơi an toàn. Xe đang đi bỗng một chiếc xe nhà binh chạy ngược đến ra hiệu cho xe ngừng lại. Hành khách trong xe nhao nhao, bàn tán:

– Chắc khám giấy?

– Không, hình như có chuyện gì xảy ra phía trước.

Xe nhà binh đậu lại, người lính Việt nhảy xuống nói chỗ vào trong xe hàng:

– Không đi được đâu, xe trước mới bị mìn chết vô khối.

Nói xong anh ta nhảy búa lên xe. Chiếc xe nhà binh đi ngược lại. Anh tài xế thở phào:

– Thôi ngủ lại đêm nay vậy, chỉ còn hai chục cây số nữa là đến Phòng. Thật tội vạ...

Mấy người đàn bà hình như quen với cảnh này nên than thở qua loa vài câu rồi tìm chỗ nằm ngả lưng. Trời sụp tối, tôi mang cơm nắm ra ăn đỡ dạ. Ngồi mãi trên xe cũng chán, tôi leo xuống tính tìm chỗ đi tiêu. Người lơ xe dặn:

– Ông đừng đi xa, quanh quẩn ở đây thôi.

Tôi gật đầu đi xuống bờ ruộng cách xe hàng không quá trăm thước. Sau khi đi tiêu xong, tôi tính trở lại xe thì thấy có bóng người từ trong bóng tối nhô ra:

– Ai! Đứng lại!

Một cảm giác kinh hoàng chạy dọc theo sống lưng tôi. Tôi từ từ giơ tay lên, quy-lát lên đạn loạch xoạch. Không phải Việt Minh, một tiểu đội hỗn hợp vừa lính Tây lẫn lính Ta. Một người lính cầm súng ngắn đến bên tôi lục soát khắp người:

– Đi đâu mà ở đây?

– Tôi ở xe hàng kia, tôi đi tiêu!

Thình lình một bóng súng nện đến hự vào ngực tôi:

– Nói láo, mày là Việt Minh phải không?

– Dạ không! tôi lên Hải Phòng, tôi có giấy tờ.

Gã lính quay lại nói nhố nhăng với gã chỉ huy Tây, rõ ràng tôi nghe thấy gã

chỉ huy nói tha tôi, tôi mừng khắp khởi. Nhưng gã lính Việt quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi. Trong bóng tối mờ mờ tôi nhìn thấy đôi mắt gã long lanh:

– Quan bảo: dắt mày về đồn điều tra!

Tôi há miệng ra cãi:

– Quan nói tha tôi rồi!

Gã động thêm một báng súng nữa vào ngực tôi:

– À à! Mày biết tiếng Tây phải không? Mày lại giỏi hơn ông nữa kia à! Mày khinh ông thì mày chết con ạ!

Tôi ngã khụy xuống. Gã lính Việt ra lệnh cho hai tên lính khác tới xốc nách tôi. Chúng lấy dây trói nguyền tôi lại, nhét giẻ vào miệng và bịt mắt:

– Mang nó ra xe! Cái đồ phách lối thì cho chết!

Tôi hoàn toàn không trông thấy gì, bước đi chệnh choạng, hai gã lính luôn mồm càu nhàu:

– Liệu có đi hản hoi không? Ông lại động cho một báng súng nữa bây giờ.

Lần này thì chết thật rồi. Họ không để cho tôi giải thích một câu. Những hình ảnh loáng thoáng chạy qua đầu tôi rất nhanh. Mộng đi Nam tiêu tan, nhưng tôi vẫn còn hy vọng, may ra về đồn tôi được quyền giải thích. Tôi có cảm giác mình đang được nhắc bổng lên, ném vào một thùng xe. Trên thùng xe đó rất đông người, hình như họ cũng bị bịt mắt, bịt miệng và trói giắt cánh khủy như tôi. Tôi ngửi thấy mùi hôi hám của những chiếc áo nâu lâu ngày không giặt. Mùi

bùn đất, tai nghe thấy tiếng thở phì phò, mệt nhọc. Xe chuyển bánh, giật mạnh chúng tôi xô ngã bên nhau. Xe chạy băng băng, đường xóc người tôi nảy lên đau nhừ. Tôi không biết xe đưa chúng tôi đi đâu, tai nghe tiếng gió thổi ù ù và mặt se lại vì lạnh. Số phận tôi sẽ ra sao, điều đó tôi chưa biết được. Thời buổi này mạng người rẻ như bèo, chúng có thể giết tôi bất cứ lúc nào. Tôi buồn vì mình phải là nạn nhân một cách phi lý. Những ý nghĩ lan man trong đầu tôi, những hình ảnh gần nhất lần lượt hiện ra. Xe đi chậm lại, hình như rẽ vào một nơi nào đó đông người. Chúng tôi được dẫn xuống xe, được tháo băng mắt. Bên trong một đồn lẻ, những người lính cầm súng dồn chúng tôi vào một góc. Chúng tôi cũng được móc giẻ trong miệng ra. Tôi nhìn quanh, đồng bào tôi tất cả. Họ run sợ

lầm lét nhìn những người lính cầm súng
rồi nhìn nhau:

– Đây là đâu?

Tất cả đều lắc đầu, lúc này tôi thấy
mình cần phải thừa thốt, tôi gọi người
lính:

– Ông ơi! cho tôi thừa chuyện.

Người lính đi lại:

– Mà muốn gì?

– Tôi muốn gặp ông xếp để thừa
chuyện tôi bị bắt oan.

Gã lính thuận tay dáng một cái báng
súng vào mặt tôi:

– Hồn, quan nào thềm nói chuyện
với mày. Không cam miệng ông đánh
hộc máu ra.

Tôi ngồi im thin thít, thúc thủ, lúc này tôi mới nhận ra mình không có quyền làm người. Tôi nhìn lên lô cốt, ánh đèn pha quét thùng màn đêm âm u. Chiếc đồng hồ vẫn đeo ở tay tôi, kim dạ quang chỉ đúng ba giờ sáng. Phía đám đông quanh tôi thì thảo hởi nhau:

– Nó tính làm gì mình?

– Ai mà biết, hồi chiều tụi nó bị phục kích chết mất mấy đứa, chúng bắt mình làm con tin. Cùng lắm là giết bọn mình chứ gì.

– Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết, tội cái thằng dân, sống với ông Việt Minh cũng khổ mà về Tề còn khổ hơn. Chết là rảnh, tôi thì chả sợ gì chỉ lo cho vợ con.

Anh chàng cao gầy, có vẻ một tên cán bộ Việt Minh thực thụ lên tiếng:

– Thà chết vinh hơn sống nhục, đồng bào yên chí, chính phủ lúc nào cũng nghĩ đến chúng ta. Không có sự dă man của thực dân Pháp thì...

Tôi nổi giận, ném một câu cốc cần vào mặt hắn:

– Câm miệng đi, chết vinh ở chỗ nào, chúng mày chỉ là đồ ăn hại, nói cái miệng thì hay lắm.

Đám đông gần kề cái chết nhao nhao hưởng ứng lời nói của tôi. Tên cán bộ im bật ngồi vào một xó. Tôi bực mình vì mình phải chết quá sớm, chết mà chưa hưởng hết tuổi trẻ. Cái rét cuối đông làm chúng tôi ngồi co rúm lại với nhau, đến năm sáu chục người chứ không ít. Tiếng xe tăng mở máy rầm rầm làm chúng tôi choàng tỉnh, mở thật to mắt nhìn. Chiếc xe ra ngoài cổng đồn, tiếng máy xa dần.

Một lát sau những người lính gác thúc chúng tôi đứng lên:

– A lê! dậy!

Một chiếc xe nhà binh khác mở máy. Chúng tôi bị dồn lên thùng xe. Chúng mang chúng mình đi đâu nữa đây?

Một người khác nói nhỏ vào tai tôi:

– Chúng nó bắt mình đi đắp đường, may ra thì chuyến này được về.

Nghe xong câu nói, trong lòng tôi nhóm lên một tia hy vọng. Anh chàng nói có lý. Xe chạy ra ngoài cổng đồn, trong bóng đêm lơ mờ tôi nhận thấy lần lần nơi ở quen thuộc mà tôi mới bỏ đi lúc hai giờ chiều. Vậy ra mình lại bị tụi chúng đưa về nơi cũ. Nóc chuồng nhà thờ, tỉnh lý, các quán ăn và đường phố lầy lội. Ánh đèn pha trên lô cốt quét từng

vết dài vào bóng tối. Sao lại đống gạch?
Người lính bảo chúng tôi xuống xe, gã
hét lên:

– Mỗi đứa lượm sáu cục gạch!

Sao lại chỉ có sáu cục gạch? Tôi tự hỏi
như vậy! Chắc hẳn những người khác
cũng cùng một ý tưởng như tôi. Tất cả
đều thi hành theo mệnh lệnh. Xong xuôi
chúng tôi lại lên xe. Đống gạch hết nhãn,
có người thiếu phải xin thêm bạn đồng
cảnh chia bớt cho một hai cục. Có lẽ đắp
đường thật. Xe chuyển bánh, tôi khư
khư ôm sáu sáu cục trong lòng. Nhưng
tôi vẫn thắc mắc, sao chỉ có cục gạch?

Chiếc xe chạy đến cầu thì ngừng lại,
chúng tôi bị lừa xuống:

– Tất cả đủ gạch chứ?

– Dạ đủ!

Một người lính phát cho mỗi người sáu cái túi, bắt bỏ gạch vào trong đó. Mọi người nhìn nhau ngơ ngác. Không ai hiểu gì. Người lính giục:

– Mau lên!

Chúng tôi răm rắp làm theo lệnh. Tôi nghe dưới chân cầu nước xoáy âm âm. Tôi chợt hiểu, hoảng hốt la lên:

– Tôi oan các ông ơi!

Cả bọn hình như cũng vừa vỡ lẽ ra, họ kêu:

– Lạy các quan tha cho con, con còn mẹ già con nhỏ.

– Trăm lạy, nghìn lạy các quan.

Những chiếc bóng súng đập như tưới lên mình mấy chúng tôi. Tôi nhìn thấy chiếc xe tăng đậu sừng sững giữa cầu,

trên nóc xe tăng khẩu đại liên đen ngòm chĩa xuống. Chiếc túi vải đựng gạch treo lủng lẳng ở cổ tôi hai cục, hai tay hai cục và hai chân hai cục. Vừa chấn sáu phiến gạch. Lúc này chúng tôi không kêu oan nữa. Vô ích, người ta sắp sửa làm thịt chúng tôi. Tôi lấy làm lạ khi kể gần cái chết mình lại trở nên bình tĩnh. Có lẽ những nạn nhân kia cũng đồng một tư tưởng như tôi. Mọi hình ảnh của dĩ vãng đều hiện ra trong đầu rất nhanh. Chúng tôi bị dẫn từng tốp mười người ra đứng ở lan can cầu, lưng quay ra sông, đằng sau không có tay vịn. Người lính bắn súng liên thanh nhảy xuống, bước cồm cộp qua mặt chúng tôi. Hắn tới lục soát và móc trong túi các nạn nhân ra bất cứ thứ gì có thể lấy được rồi thồn đầy vào hai túi quần “trây di”. Mồ hôi toát ra lấm tấm trên trán, tôi không run lên vì lạnh mà run lên vì sợ. Dưới chân cầu nước vẫn

xoáy âm âm. Không ai có thể ngờ được tôi chết một cách nhục nhã như thế này. Ông hiệu trưởng chắc đã ngủ say và yên chí tôi đã tới Hải Phòng từ chiều. Còn Khanh? Nàng đang nghĩ gì, chắc chắn không còn nhớ đến tôi. Trời lạnh này, nệm chăn ấm áp! Hà Nội! Hải Phòng! Sài Gòn! Tôi nghĩ đến tên những thành phố mà lòng bỗng thấy xót xa. Bên tai tôi nghe văng vẳng như có tiếng học trò đọc bài: Nước Việt Nam hình cong như chữ S, chia ra làm ba miền: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt... Nước mắt tôi chảy ràn rụa trên má, tôi cúi đầu nhìn xuống chân mình. Gã bắn súng liên thanh đi tới, tiếng giấy hần gỗ cồm cộp trên ván cầu khô khan, nặng nề. Tiếng động đó xoáy cuộn cuộn trong đầu tôi như tiếng sóng. Chỉ còn một cơ hội chót, tôi nói liều dẫu có phải ăn thêm hai ba cái báng súng trước khi chết:

– Tôi còn chiếc đồng hồ vàng ông tháo giùm, tôi là thầy giáo ở tỉnh này chiều nay đi lên Hải Phòng, chẳng may bị các ông bắt nhầm...

Gã bắn súng liên thanh đứng dừng lại, bàn tay hộ pháp của hắn nâng mặt tôi lên:

– Thật không? À! À! Tôi nhận ra rồi, anh dạy trường làng.

Tôi cũng nhận ra hắn, hắn vẫn thường đến quán uống rượu với lũ tây đen gạch mặt. Có một lần hắn cụng ly với tôi và nhờ tôi dạy học đứa nhỏ con của mẹ nhân tình hắn. Hắn cười, kéo thốc tôi ra:

– Anh mà không nói tôi đâu có biết, đúng đó để tôi xét lại trường hợp anh.

Thấy tôi được tha đám nạn nhân lại nhao nhao:

– Lạy quan tha cho con, con oan!

Gã lính bắn súng liên thanh không đếm xỉa đến những lời xin đó. Gã leo lên ổ súng máy ngồi dạng háng. Hắn còn ngoài cổ xuống nói với tôi:

– Anh nhờ lính nó cởi gạch ra cho, muốn chết chìm à!

Tiếng đạn nổ giòn đĩnh tai nhức óc! Tôi nghe thấy những tiếng thét ghê rợn, tiếng xác người rơi xuống sông lồm bồm, tiếng nước gầm và mùi khói súng khét lẹt. Tôi nhắm nghiền mắt lại cho đến khi tiếng súng ngừng. Tiếng gã bắn súng liên thanh hét lên:

– Xong rồi! Về!

Hắn, nhảy xuống xe xoa tay khoan khoái:

– Chết mát mẻ nhé! A men!

Gã lính đi theo chạy tới báo cáo:

– Thừa xếp chìm hết!

– Ủ phải chìm chứ nổi thế chó nào được! Thôi về!

Lúc đó tiếng chuông nhà thờ bỗng nhiên đổ hời. Gã bắn súng liên thanh gầm lên:

– Diếc tai quá! Mai tao phải mang súng ra bắn sập cái gác chuông mới được. Bảo nhiêu lần rồi mà các ông cha đó không nghe.

Tim tôi còn đập thành thạch, gã bắn súng liên thanh kéo thốc tôi lên xe:

– Sợ không?

Tôi gặt đầu, khi đi qua đồng gạch tôi nói:

– Bây giờ tôi mới hiểu tại sao đồng gạch vui lại đây!

Gã nhìn tôi đe dọa:

– Biết điều câm họng.

* * *

Tôi đã câm họng suốt mười lăm năm trời nay. Bây giờ tôi mới nói ra điều đó. Nói cho tất cả mọi người đều biết đồng gạch tại sao vui lại đây. Số gạch chìm dưới các lòng sông Việt Nam có thể xây cả chục cái Kim Tự Tháp.

(Trích Tập truyện **VÁC NGÀ VOI**
của nhà văn Nguyễn Thụy Long, nhà
xuất bản **TIẾNG NÓI** năm 1964.)

